

Số: **222** / QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày **28** tháng **6** năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Cải tạo, sửa chữa và nâng cấp trụ sở làm việc Ban quản lý rừng phòng hộ Mường Lát.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 3100/QĐ-UBND ngày 17/8/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương cải tạo, sửa chữa và nâng cấp trụ sở làm việc của một số đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3243/SXD-QLN ngày 21/6/2017 về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Cải tạo, sửa chữa và nâng cấp trụ sở làm việc Ban quản lý rừng phòng hộ Mường Lát,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Cải tạo, sửa chữa và nâng cấp trụ sở làm việc Ban quản lý rừng phòng hộ Mường Lát, với những nội dung sau:

1. **Tên công trình:** Cải tạo, sửa chữa và nâng cấp trụ sở làm việc Ban quản lý rừng phòng hộ Mường Lát.

3. **Loại, cấp công trình:** Công trình dân dụng, cấp IV.

4. **Chủ đầu tư:** Ban Quản lý rừng phòng hộ Mường Lát.

5. **Địa điểm xây dựng:** Xã Tén Tàn, xã Tam Chung, thị trấn Mường Lát, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

6. Các giải pháp thiết kế chủ yếu:

6.1. Hạng mục: Nhà làm việc

- Toàn bộ hệ thống tường ngoài nhà và trong nhà được vệ sinh sạch sẽ và quét vôi 01 nước lót, 2 nước màu.
- Hệ thống cửa đi, cửa sổ được làm vệ sinh và sơn lại toàn bộ, ô thoáng cửa lắp kính dày 5mm.
- Xây mới tường lan can trước nhà.
- Hệ thống nền, sàn tầng 1 và tầng 2 được bóc đi lát lại bằng gạch Ceramic kích thước 400x400mm trừ Phòng Giám đốc. Riêng nền nhà khu vệ sinh bóc đi lát lại bằng gạch chống trơn kích thước 300x300mm.

6.2. Hạng mục: Nhà bếp

- Thay thế toàn bộ hệ thống mái cũ bị hư hỏng bằng mái tôn dày 0,4mm; bổ sung hệ vì kèo khẩu độ 5,5m làm bằng thép hình L50x5mm; thay thế mới hệ xà gồ bằng thép hình U80x40x3mm; liên kết cho vì kèo mái bằng liên kết hàn và liên kết bulông.
- Đục bỏ lớp vữa cũ đã bị ẩm mốc, trát lại bằng vữa xi măng mác 75#, hoàn thiện quét vôi 01 nước lót và 02 nước màu.
- Thay thế toàn bộ hệ thống cửa đi và cửa sổ bằng cửa nhựa lõi thép.
- Thay thế toàn bộ hệ thống điện; dây thay thế có tiết diện 2x4mm², 2x1,5mm² và 2x2,5mm². Toàn bộ dây dẫn luôn trong ống PVC D25.
- Phá dỡ nền thay thế bằng gạch Granit kích thước 400x400mm.
- Sân đục bỏ lớp bê tông cũ thay thế bằng 01 lớp cát tạo phẳng 5mm, mặt sân đổ bê tông đá 1x2, mác 200#, dày 100mm.
- Phá dỡ tường trực 4 để mở rộng không gian nhà ăn.

6.3. Hạng mục: Trạm bảo vệ rừng số 3.

- Thay thế toàn bộ hệ thống mái tôn cũ bị hư hỏng bằng mái tôn dày 0,4mm. Bổ sung tường thu hồi tại vị trí sân ô để lợp mái tôn trùm hết phần sân; thay thế mới 40% hệ xà gồ bằng thép hình U80x40x3mm.
- Trần bê tông đục bỏ lớp vữa trên mặt, quét 1 lớp vật liệu chống thấm và láng lại bằng vữa xi măng mác 75#.
- Đục lớp vữa cũ đã bị ẩm mốc, bong tróc và trát lại 70% diện tích toàn bộ nhà bằng vữa xi măng mác 75#, tường hoàn thiện quét vôi 01 nước lót và 02 nước màu.
- Sân bê tông trước nhà thêm lớp bê tông đá 1x2, mác 200#, dày 100mm.

(Nội dung chi tiết theo hồ sơ thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán của Sở Xây dựng kèm theo Tờ trình số 3243/SXD-QLN ngày 21/6/2017).

7. Tổng dự toán xây dựng công trình: 499.204.000đồng (Bằng chữ: Bốn trăm chín mươi chín triệu, hai trăm lẻ bốn nghìn đồng chẵn).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 385.286.000đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 11.495.533đồng;

- Chi phí tư vấn ĐTXDCT: 53.328.295 đồng;
- Chi phí khác: 25.322.297 đồng;
- Chi phí dự phòng: 23.771.606 đồng.

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

8. Nguồn vốn: Từ nguồn sự nghiệp kinh tế trong dự toán ngân sách hàng năm của tỉnh theo Quyết định số 3100/QĐ-UBND ngày 17/8/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương cải tạo, sửa chữa và nâng cấp trụ sở làm việc của một số đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Thanh Hóa.

9. Hình thức quản lý dự án: Theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 Quyết định này, các đơn vị sau đây có trách nhiệm:

- Ban quản lý rừng phòng hộ Mường Lát căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1, Quyết định này tổ chức thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành về đầu tư xây dựng.

- Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài Chính, Xây dựng, Nông nghiệp và PTNT và đơn vị có liên quan theo chức năng nhiệm vụ được giao theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc Ban quản lý rừng phòng hộ Mường Lát thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

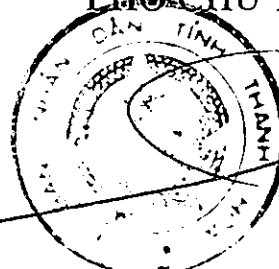
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài Chính, Xây dựng, Nông nghiệp và PTNT; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Ban quản lý rừng phòng hộ Mường Lát; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
 - Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
 - Lưu: VT, NN.
- (MC53)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Quyền

Phụ biểu chi tiết: BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Công trình: Cải tạo, sửa chữa và nâng cấp trụ sở làm việc

Ban quản lý rừng phòng hộ Mường Lát

(Kèm theo Quyết định số: **2224/QĐ-UBND** ngày **28 / 6 /2017** của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Đồng

TT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Giá trị trước thuế	Thuế GTGT	Giá trị sau thuế	Ký hiệu
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	350.260.000	35.026.000	385.286.000	Gxd
1	Sửa chữa Văn phòng Ban quản lý	275.501.818	27.550.182	303.052.000	
2	Sửa chữa Trạm bảo vệ rừng số 3	74.758.182	7.475.818	82.234.000	
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	11.495.533	-	11.495.533	Gqlđa
III	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	48.480.268	4.848.027	53.328.295	Gtv
1	Chi phí khảo sát địa hình	8.694.204	869.420	9.563.624	
2	Chi phí thiết kế bản vẽ thi công và dự toán	22.766.900	2.276.690	25.043.590	
3	Chi phí thẩm tra thiết kế	2.000.000	200.000	2.200.000	
4	Chi phí thẩm tra dự toán	2.000.000	200.000	2.200.000	
5	Chi phí lập HSYC & đánh giá HSDX xây lắp	1.513.123	151.312	1.664.436	
6	Chi phí giám sát thi công XD	11.506.041	1.150.604	12.656.645	
IV	CHI PHÍ KHÁC	19.096.387	1.225.910	25.322.297	Gk
1	Hạng mục chung	12.259.100	1.225.910	13.485.010	
2	Lệ phí thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật	94.849	-	94.849	
3	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	4.742.438	-	4.742.438	
4	Lệ phí thẩm định hồ sơ yêu cầu và kết quả lựa chọn nhà thầu	2.000.000	-	2.000.000	
5	Chi phí kiểm tra của cơ quan QLNN (tạm tính)	5.000.000	-	5.000.000	
V	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	23.771.606	-	23.771.606	
1	Dự phòng do khối lượng phát sinh	23.771.606	-	23.771.606	Gdp
Tổng cộng				499.203.731	Gxdet
Làm tròn				499.204.000	
(Bằng chữ: Bốn trăm chín mươi chín triệu, hai trăm lẻ bốn nghìn đồng chẵn)					